

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-PT
Ngày 22-3-2023
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản
là quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: **Ông Lê Anh Sơn**

Bà Bùi Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị VA Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham GI phiên tòa: Bà Đồng Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 112/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2022, Thông báo mở lại phiên tòa số 15/2022/TB-TA ngày 11 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Văn Đức LU và bà Phạm Thị LA, cùng địa chỉ: Buôn CY xã CP, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk; ông LU vắng mặt, bà LA có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Bùi Thanh TU, địa chỉ: Thôn DV, xã TV, huyện AL, Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 5 năm 2022); vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Văn Đức CH và bà Phạm Thị GI, cùng địa chỉ: Thôn HC, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Văn Đức CH: Bà Phạm Thị GI, địa chỉ: Thôn HC, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 8 năm 2022); vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Ngọc V và chị Văn Thị VA, cùng địa chỉ: Thôn HC, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị LA – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Ông Văn Đức LU và vợ là bà Phạm Thị LA có diện tích đất 440m² tại thửa số 320, tờ bản đồ 219-A-III, địa chỉ: Thôn HC, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng do Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp cho năm 1982. Năm 1994, GI đình ông bà vào Đắc Lắc làm kinh tế mới nên chuyển nhượng cho ông Văn Đức CH và bà Phạm Thị GI diện tích đất có chiều rộng 6m, chiều dài hết đất. Việc chuyển nhượng giữa hai bên là ông Lục, bà LA với ông CH, bà GI có giấy chuyển nhượng viết tay cho nhau và thỏa thuận khi nào ông CH, bà GI trả tiền mua đất thì số tiền sẽ được tính tương đương giá trị mảnh đất tại thời điểm trả tiền, khi thanh toán xong thì bên bán sẽ sang tên phần đất đó. Năm 2011, bà LA quay về thì thấy GI đình ông CH, bà GI xây nhà trên phần đất ông bà để lại, trong khi chưa thanh toán tiền chuyển nhượng đất. Ông CH, bà GI còn xây dựng nhà ở sang phần đất ông bà không chuyển nhượng có chiều ngang 3,7m chiều dài hết đất. Bà LA, ông LU khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông CH, bà GI trả lại diện tích đất 194m² tại thửa số 320, tờ bản đồ 219-A-III, địa chỉ: Thôn HC, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Văn Đức CH và bà Phạm Thị GI trong thống nhất trình bày: Năm 1994, ông Văn Đức CH và vợ là bà Phạm Thị GI có nhận chuyển nhượng của ông Văn Đức LU và vợ là bà Phạm Thị LA 01 diện tích đất tại thửa số 320, tờ bản đồ 219-A-III, địa chỉ: Thôn HC, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng với giá 6.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng hai bên không xác định diện tích đất mà chỉ xác định là chuyển nhượng mảnh đất có tứ cận như sau: Phía trước giáp mặt đường 305, một chiều giáp nhà anh Được, chị Năng, một chiều giáp nhà anh Ngân, chị Tươi, một chiều giáp nhà ông Lục, bà LA trước đây (hiện nay giáp nhà chị Văn Thị Yển). Việc chuyển nhượng hai bên có giấy chuyển nhượng viết tay do chính bà Phạm Thị LA viết, hai bên ký nhận và bà LA tự tay Giao lại giấy cho ông CH, bà GI. Hai bên cũng đã Giao tiền và nhận đất đầy đủ ngay sau khi ký giấy chuyển nhượng. Toàn bộ sự việc trên có ông Nguyễn Văn Hiếu và Nguyễn Văn Khó chứng kiến. Sau khi nhận chuyển nhượng xong vợ chồng ông CH, bà GI xây nhà và sinh sống ổn định trên diện tích đất đó từ năm 1994, còn vợ chồng ông Lục, bà LA vào Đắc Lắc làm kinh tế mới. Bà LA, ông LU hàng năm vẫn về quê đôi ba lần và qua nhà ông CH, bà GI chơi, quan hệ giữa hai GI đình bình thường. Năm 2003, ông CH, bà GI lấp ao, tôn tạo đất bà LA đến nhà chơi cũng biết. Đến năm 2007, ông CH say rượu đốt nhà làm cháy cả

tờ giấy chuyển nhượng đất giữa hai bên. Từ khi tờ giấy chuyển nhượng bị cháy thì bà LA nảy sinh ra khiếu kiện, tranh chấp. Năm 2011, bà LA khiếu nại và Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn đã giải quyết nhưng không thành. Sau đó, bà LA còn khiếu kiện ở đâu nữa thì ông CH, bà GI không biết. Việc ông Lục, bà LA nói rằng GI đình bà GI đề nghị bà LA rút đơn khởi kiện là không đúng sự thực vì ông bà không có đề nghị đó. Theo ông CH, bà GI thì ông bà là người đầu tiên nhận chuyển nhượng đất của ông Lục, bà LA sau đó mới đến chị Yên, chị Thủy và nhận chuyển nhượng cả mảnh đất có tứ cận như đã nêu trên chứ không phải là một phần diện tích đất như ông Lục, bà LA trình bày. Nay bà LA, ông LUKhởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông CH và bà GI trả lại diện tích đất 194m² tại thửa số 320, tờ bản đồ 219-A-III, địa chỉ: Thôn HC, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng ông CH, bà GI không đồng ý vì hai bên đã hoàn thành việc chuyển nhượng đất cho nhau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Ngọc V và vợ là chị Văn Thị VA trình bày: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm có quan điểm thống nhất với ý kiến của bị đơn là ông Văn Đức CH và bà Phạm Thị GI.

Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 3; khoản 4 Điều 79 của Luật Đất đai 1993; Điều 13, Điều 15 Pháp lệnh về Hợp đồng dân sự năm 1991; Điều 203 của Luật Đất đai 2013; Điều 129, Điều 166 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Văn Đức LU và vợ là bà Phạm Thị LA về việc buộc ông Văn Đức CH và vợ là bà Phạm Thị GI trả lại diện tích đất tại thửa số 320, tờ bản đồ 219-A-III, đo đạc trên thực tế là 187,2m², địa chỉ: Thôn HC, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Miễn án phí cho ông Văn Đức LU và vợ là bà Phạm Thị LA.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Nội dung kháng cáo: Ngày 07/10/2022, Tòa án nhân dân huyện An Lão đã nhận được Đơn kháng cáo của nguyên đơn là bà Phạm Thị LA. Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở GI đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về kháng cáo.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham GI tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc kháng cáo của nguyên đơn:

+ Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa xét xử ngày 26/9/2022; ngày 07/10/2022, Tòa án nhân dân huyện An Lão nhận được đơn kháng cáo của bà LA. Thời hạn kháng cáo và quyền kháng cáo đảm bảo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 308 đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo do không có căn cứ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham GI phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định tại **khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39** Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa sơ thẩm xét xử ngày 26/9/2022. Ngày 07/10/2022, Tòa án nhân dân huyện An Lão nhận được đơn kháng cáo của bà LA. Thời hạn kháng cáo đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:*

[3] Nguồn gốc, hiện trạng diện tích đất tranh chấp:

[3.1] Theo bản đồ địa chính xã lập năm 1991, số thứ tự 320 thể hiện: Số thửa 320, tờ bản đồ số 219-A-III có diện tích 440m² mục đích sử dụng là đất thổ cư. Theo sổ mục kê của xã lập năm 1992 thể hiện: Số thửa 320, tờ bản đồ số 219-A-III có diện tích 440m², mục đích sử dụng là đất thổ cư, ghi tên người sử dụng Văn Đức Lục. Về nguồn gốc thửa đất 320, tờ bản đồ số 219-A-III, diện tích 440m² là do Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn cấp cho GI đình ông Văn Đức LUsử dụng từ năm 1982.

[3.2] Từ khi được cấp đất, ông LU và bà LA sử dụng đến năm 1994 ổn định, không tranh chấp với ai. Năm 1994, ông Lục, bà LA cùng GI đình đi làm ăn tại vùng kinh tế mới tại buôn CY xã CP, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk. Ông Lục, bà LA có chuyển nhượng 01 phần diện tích đất cho ông CH, bà GI. Các bên tự chuyển nhượng đất cho nhau, không thông qua xã, hợp đồng chuyển nhượng cũng không ra xã chứng thực. Hiện hồ sơ lưu tại xã thể hiện thửa đất 320, tờ bản đồ số 219-A-III vẫn ghi tên ông Văn Đức Lục.

[3.3] Hiện trạng thửa đất số 320, tờ bản đồ số 219-A-III thể hiện trên giấy tờ hồ sơ địa chính lưu tại xã Quốc Tuấn là 198m²; địa chỉ: Thôn HC, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng hiện do ông CH, bà GI đang quản lý sử dụng. Trên đất ông CH, bà GI xây dựng 01 nhà cấp 4 để ở và công trình phụ đầy đủ từ năm 1994. Trên phần đất liền kề căn nhà cấp 4 ông CH, bà GI cho con gái là chị Văn Thị VA xây dựng 01 quán bán hàng có kèm theo nhà ở, công trình phụ từ năm 2011, sau này, chị VA kết hôn với anh Nguyễn Ngọc V và mở rộng quán. Theo kết quả đo đạc được từ việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21 tháng 6 năm 2022 và định giá tài sản ngày 28 tháng 7 năm 2022 thể hiện tại sơ đồ hiện trạng thửa đất số 320, tờ bản đồ 219-A-III thì diện tích đất thực tế hiện nay là 187,2m².

[4] Nguyên đơn cho rằng, đã chuyển nhượng đất cho bị đơn là ông CH, bà GI từ năm 1994 đến nay nhưng bị đơn không thanh toán tiền nhận chuyển nhượng phần đất mà còn cho con gái và con rể xây nhà trên phần đất nguyên đơn không chuyển nhượng có chiều ngang 3,7m chiều dài hết đất. Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn là ông CH, bà GI trả lại toàn bộ diện tích đất thực tế hiện nay là 187,2m² tại thửa số 320, tờ bản đồ 219-A-III, địa chỉ: Thôn HC, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự và những người làm chứng đều thừa nhận một sự kiện pháp lý: Năm 1994, ông LU và bà LA có chuyển nhượng một diện tích đất cho ông Văn Đức CH và vợ là bà Phạm Thị GI tại thửa đất 320, tờ bản đồ số 219-A-III; địa chỉ: Thôn HC, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng với giá 6.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng giữa 2 bên là tự nguyện, có viết tay giấy chuyển nhượng cho nhau.

[6] Bị đơn cho rằng đã nhận chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích đất tại thửa số 320, tờ bản đồ 219-A-III. Lời khai của các hộ giáp ranh đều khẳng định: Năm 2003, ông CH, bà GI tiến hành tôn tạo, san lấp phần ao là phần đất mà ông Lục, bà LA cho rằng ông CH, bà GI lấn chiếm thì ông Lục, bà LA có biết nhưng không có ý kiến phản đối gì. Ông Lục, bà LA chuyển nhượng cho một số người khác: Diện tích đất 125m² chuyển nhượng cho chị Văn Thị Thủy giá là 8.500.000 đồng vì có nhà và móng nhà; diện tích đất 121m² chuyển nhượng cho chị Văn Thị Yến giá 5.000.000 đồng vì trên đất không có gì. Chị Thủy, chị Yến đều là người nhận chuyển nhượng đất của ông Lục, bà LA sau ông CH, bà GI. Tại thời điểm ông Lục, bà LA chuyển nhượng đất cho ông CH, bà GI thì còn chuyển nhượng nhà

và đất của mình trong LAg cho ông Văn Đức Thanh với giá 3.000.000 đồng. Xét thấy với mức giá 6.000.000 đồng tại thời điểm năm 1994 phù hợp với việc nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất bao gồm một phần đất thổ cư và một phần đất ao có tứ cận: Phía trước giáp mặt đường 305, một chiều giáp nhà anh Được, chị Năng, một chiều giáp nhà anh Ngân, chị Tươi, một chiều giáp nhà ông Lục, bà LA trước đây (hiện nay giáp nhà chị Văn Thị Yên). Mức giá 6.000.000 đồng nhận chuyển nhượng diện tích đất 6m chiều ngang, chiều dài hết đất theo trình bày của nguyên đơn là **không phù hợp** với thực tế khách quan tại thời điểm đó. Do đó, có cơ sở để khẳng định ông CH, bà GI đã nhận chuyển nhượng **toàn bộ** diện tích đất của ông Lục, bà LA tại thửa số 320, tờ bản đồ 219-A-III, địa chỉ: Thôn HC, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng, đo đạc được trên thực tế là 187,2m².

[7] Về việc thanh toán tiền mua đất: Bà LA xác nhận mình tự tay viết giấy chuyển nhượng và Giao cho bà GI nên không lưu. Bà GI xác nhận đã nhận giấy chuyển nhượng đất do bà LA viết nhưng năm 2007 do ông CH say rượu đốt nhà nên tờ giấy chuyển nhượng đất đã bị cháy. Tài liệu xác minh tại địa phương xác định: Năm 2007 nhà ông CH, bà GI bị cháy và do ông CH đốt là có thật. Lời khai của những người làm chứng là các ông Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Văn Khó là người được trực tiếp chứng kiến sự việc đều xác nhận ông CH, bà GI đã thanh toán toàn bộ số tiền 6.000.000 đồng ngay khi hai bên viết giấy chuyển nhượng đất cho nhau. Ngoài ra, ông Văn Đức Thanh là người mua nhà đất của ông CH, bà GI ở trong LAg còn xác nhận đã trực tiếp cầm 3.000.000 đồng đưa cho ông CH, bà GI để đủ 6.000.000 đồng thanh toán cho ông Lục, bà LA. Có cơ sở để khẳng định rằng ông CH, bà GI đã thanh toán số tiền 6.000.000 đồng cho ông Lục, bà LA ngay sau khi hai bên viết giấy chuyển nhượng đất vào năm 1994.

[8] Việc ông Lục, bà LA chuyển nhượng **toàn bộ** diện tích đất tại thửa số 320, tờ bản đồ 219-A III, địa chỉ: Thôn HC, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng cho ông CH, bà GI với giá 6.000.000 đồng, do 2 bên tự nguyện, có viết giấy chuyển nhượng viết tay là được pháp luật cho phép. Ngay sau khi nhận chuyển nhượng đất năm 1994 ông CH, bà GI đã xây 01 căn nhà cấp 4 và ở ổn định đến nay là 28 năm, không tranh chấp với các hộ xung quanh. Kể từ sau khi nhận chuyển nhượng ông CH, bà GI đã nộp thuế đất hàng năm, có biên lai nộp thuế đất. Năm 2003, ông CH, bà GI san lấp phần ao, tôn tạo đất cũng không xảy ra tranh chấp với các hộ xung quanh. Toàn bộ những hoạt động sử dụng diện tích đất nhận chuyển nhượng nêu trên của ông CH, bà GI phía ông Lục, bà LA, các hộ xung quanh, chính quyền địa phương đều biết nhưng không có ai phản đối hay tranh chấp. Năm 2011, ông CH, bà GI cho con gái là chị VA xây quán bán hàng cũng không có ai phản đối hay tranh chấp. Chỉ sau khi chị VA xây xong quán thì bà LA phát sinh tranh chấp.

[9] Tại Gli đoạn phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo tuy nhiên không cung cấp bổ sung được tài liệu chứng cứ nào khác **để** chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình.

[10] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật; vì vậy cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[11] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là anh Bùi Thanh TU và bà LA đều nhất trí nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, tổng cộng là 7.570.000đ (Bảy triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng), nguyên đơn đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết chi phí tố tụng là có căn cứ.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Văn Đức LU và bà Phạm Thị LA là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận tuy nhiên bà LA là người cao tuổi và có đề nghị xin miễn án phí nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 266, Điều 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 129, Điều 166 và Điều 688 của Luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn là bà Phạm Thị LA.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng về “Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất”.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Văn Đức LU và vợ là bà Phạm Thị LA về việc buộc ông Văn Đức CH và vợ là bà Phạm Thị GI trả lại diện tích đất tại thửa số 320, tờ bản đồ 219-A-III, đo đạc trên thực tế là 187,2m², địa chỉ: Thôn HC, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng.

2. Về chi phí tố tụng: Không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Văn Đức LU và vợ là bà Phạm Thị LA.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phạm Thị LA.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- TAND huyện An Lão;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hằng